TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2024/QĐST- HNGĐ	*Tiên Lãng, ngày 21 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 17/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T , thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Chị Lương Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T , thành phố Hải Phòng.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 và chị Phạm Thị H, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T , thành phố Hải Phòng;

+ Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng;

+ Cháu Nguyễn Thị P, sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 11/11/2008; cùng địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nam: Chị Lương Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

+ Cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 06/01/2012; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của cháu T: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 và chị Phạm Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế; diện, hàng thừa kế:

Vợ chồng bà Trần Thị C, ông Nguyễn Tiến S (sinh năm 1950, chết ngày 23/6/2016) có 04 người con chung gồm: Anh Nguyễn Thanh B (sinh năm 1977, chết năm 2022, có vợ là chị Lương Thị L và 02 con là Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn N); anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1981, chết năm 2010, có vợ là chị Nguyễn Thị T nhưng không có con); anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn H1. Ngoài ra, ông S không có người vợ nào khác; không có con nuôi, con riêng. Ông Sỹ, anh B, anh C chết đều không để lại di chúc. Bố mẹ ông Sỹ (cụ Nguyễn Văn K, cụ Trần Thị D) đều chết trước ông S.

Tài sản chung của vợ chồng bà C, ông S là quyền sử dụng diện tích 1153,94m² đất thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng và 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 1997 trên đất (trên thửa đất số 82, tờ bản đồ số 02 còn có tài sản của vợ chồng anh H, chị H là 01 ngôi nhà cấp 4; tài sản của vợ chồng anh B, chị L là tường kè ao, khối lượng dâng lập diện tích đất 126,4m^2).

Di sản thừa kế của ông Sỹ là ½ tài sản chung vợ chồng với bà C gồm quyền sử dụng diện tích 576,97m^2 đất và ½ giá trị ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 1997.

Những người thừa kế theo pháp luật của ông Sỹ gồm: Bà C, anh H, anh H1 và mẹ con chị L (chị L, cháu P, cháu N được hưởng suất thừa kế của anh B).

2.2 Về phương thức chia tài sản chung, chia thừa kế:

Các đương sự thống nhất chỉ chia quyền sử dụng đất, không tính toán giá trị tài sản trên đất, công sức dâng lập, bảo quản, duy tu di sản thừa kế.

2.2.1 Chia cho chị Lương Thị L, cháu Nguyễn Thị P, cháu Nguyễn Văn N quản lý, sử dụng chung diện tích 144,24m^2 đất trị giá 576.960.000 (Năm trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng và sở hữu chung toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T , thành phố Hải Phòng, có vị trí, kích thước cụ thể như sau :

- Phía Bắc giáp ngõ đi dài 5,58m;

- Phía Đông giáp đất anh Nguyễn Văn B dài 8,38m + 5,8m + 10,6m;

- Phía Nam giáp đất tập thể dài 5,14m + 2,93m;

- Phía Tây giáp diện tích đất chia cho bà Trần Thị C, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H1 dài 30,2m .

(Có sơ đồ kèm theo)

2.2.2 Chia cho bà Trần Thị C, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H1 quản lý, sử dụng chung diện tích 1009,7m^2 đất trị giá 4.038.800.000 (Bốn tỷ không trăm ba mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng và sở hữu chung toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T , thành phố Hải Phòng, có vị trí, kích thước cụ thể như sau :

- Phía Bắc giáp ngõ đi dài 12,89m; giáp đất hộ bà Nguyễn Thị T dài 8,9m + 7,28m + 14,6m; giáp đất hộ ông Nguyễn Duy T dài 8,78m + 13,89m;

- Phía Đông giáp diện tích đất chia cho chị Lương Thị L, cháu Nguyễn Thị P, cháu Nguyễn Văn N dài 30,2m và đất tập thể dài 1,58m;

- Phía Nam giáp đất hộ ông Đỗ Văn C dài 9,2m + 2,25m + 12,09m + 5,87m + 10,7m + 10,64m + 0,5m + 11,95m + 16,66m;

- Phía Tây giáp đất hộ ông Đỗ Văn H dài 21,54m; giáp hộ ông Nguyễn Duy T dài 2,0m.

(Có sơ đồ kèm theo)

3. Về chi phí tố tụng khác:

Bà Trần Thị C phải chịu 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng; anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng; chị Lương Thị L, cháu Nguyễn Thị P, cháu Nguyễn Văn N phải chịu 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Bà C đã nộp 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên anh H1, anh H mỗi người phải trả bà C 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Chị L, cháu N, cháu P phải trả bà C 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng (số tiền án chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cháu N, cháu P phải chịu do chị L nộp thay).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Trần Thị C, anh Nguyễn Văn H.

Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu 13.539.000 (Mười ba triệu năm trăm ba mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lương Thị L, cháu Nguyễn Thị P, cháu Nguyễn Văn N phải chịu 13.539.000 (Mười ba triệu năm trăm ba mươi chín nghìn) án phí dân sự sơ thẩm (số tiền án phí dân sự dân sự sơ thẩm cháu N, cháu P phải chịu do chị L nộp thay).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Xuyến